1. Đốt cháy 3,1g photpho trong bình chứa 5g oxi.sau phản có chất nào còn dư?

A. Oxi B. Photpho

C. Hai chất vừa hết D. Không xác định được

1. Phát biểu nào sau đây về oxi là không đúng?

A.Oxi là phi kim hoạt động hoá học rất mạnh, nhất là ở nhịêt độ cao.

B.Oxi tạo oxit axit với hầu hết kim loại

C.Oxi không có mùi và vị

D.Oxi cần thiết cho sự sống.

1. Cho phản ứng: C + O2 -> CO2. Phản ứng trên là:

A. Phản ứng hoá hợp B. Phản ứng toả nhiệt

C. Phản ứng phân hủy D. Phản ứng thế

1. Quá trình nào dưới đây không làm giảm lượng oxi trong không khí?

A. Sự gỉ của các vật dụng bằng sắt

B. Sự cháy của than, củi, bếp ga

C. Sự quang hợp của cây xanh

D. Sự hô hấp của động vật

1. Phần trăm về khối lượng của oxi cao nhất trong oxi nào cho dưới đây?

A. CuO B. ZnO C.PbO D. MgO

1. Oxit nào dưới đây góp nhiều phần nhất vào sự hình thành mưa axit?

A. CO2( cacbon đioxit) B. CO( cacbon oxit)

C. SO­2 ( lưu huỳnh đoxit) D. SnO2( thiếc đioxit)

1. Thiếc có thể có hoá trị II hoặc IV. Hợp chất có công thức SnO2 có tên là:

A. Thiếc penta oxit B. Thiếc oxit

 C. Thiếc (II) oxit D. Thiếc (IV) oxit

1. Trong phòng thí nghiệm người ta điều chế oxi bằng cách nhiệt phân KClO3 hay KMnO4 hoặc KNO3. Vì lí do nào sau đây?

A. Dễ kiếm, rẻ tiền

B. Giàu oxi và dễ phân huỷ ra oxi

C. Phù hợp với thiết bị hiện đại

D. Không độc hại

1. Người ta thu khí oxi qua nước là do:

A. Khí oxi nhẹ hơn nước

B. Khí oxi tan nhiều trong nước

C. Khí O2 tan ít trong nước

D. Khí oxi khó hoá lỏng

1. Trong phòng thí nghiệm cần điều chế 4, 48lít O2 (đktc)

Dùng chất nào sau đây để có khối lượng nhỏ nhất :

A. KClO3 B. KMnO4

C. KNO­3 D. H2O( điện phân)

1. Trong oxit, kim loại có hoá trị III và chiếm 70% về khối lượng là:

A. Cr2O3 B. Al2O3 C. As2O3 D. Fe2O3

1. Oxit nào sau đây có phần trăm khói lượng oxi nhỏ nhất?

( cho Cr= 52; Al=27; As= 75; Fe=56)

A. Cr2O3 B. Al2O3 C. As2O3 D. Fe2O3

1. Nếu đốt cháy hoàn toàn 2,4g cacbon trong 4,8g oxi thì thu được tối đa bao nhiêu gam khí CO2?

A. 6,6g B.6,5g C.6,4g D. 6,3g

1. Đốt chấy 3,2g lưu huỳnh trong một bình chứa 1,12 lít khí O2( đktc). Thể tích khi SO2 thu được là:

A. 4,48lít B. 2,24 lít C. 1,12 lít D. 3,36 lít

1. Cho các chất sau:

1. FeO 2. KClO3 3. KMnO4

4. CaCO­3 5. Không khí 6. H2O

Những chất được dùng để điều chế oxi trong phòng thí nghiệm

A. 1, 2, 3, 5 B. 2, 3, 5, 6 C. 2, 3 D. 2, 3, 5

1. Khi phân huỷ có xúc tác 122,5g KClO3, thể tích khí oxi thu được là:

A. 33,6 lít B. 3,36 lít C. 11,2 lít D.1,12 lít

1. Số gam KMnO­4 cần dùng để đièu chế được 2,24 lít khí oxi (đktc) là:

A. 20,7g B. 42,8g C. 14,3g D. 31,6g

1. Dãy chỉ gồm các oxit axit là:

A. CO2, SO2, N2O5, P2O5

B. CO2, SO2, MnO, Al2O3, P2O5

C. FeO, Mn2O7, SiO2, CaO, Fe2O3

D. Na2O, BaO, H2O, H2O2, ZnO

1. Chì có thể có hoá trị II hoặc IV. Hợp chất có công thức PbOcó tên là:

A. Chì đi oxit B. Chì oxit

C. Chì (II) oxit D. Chì (IV) oxit

1. Phản ứng nào dưới đây là phản ứng hoá hợp?

A. CuO + H2 -> Cu + H2O

 B. CaO +H2O -> Ca(OH)2

 C. 2MnO4  -> K2MnO4 + MnO2 + O2

 D. CO2 + Ca(OH)2-> CaCO3 +H2O

1. Tính số gam nước tạo ra khi đốt 4,2 lít hiđro với 1,4 lít oxi (đktc).

A. 2,25 gam. B. 1,25 gam. C. 12,5 gam. D. 0,225 gam.

1. Có 3 lọ bị mất nhãn đựng các khí O2, CO2, H2. Dùng thuốc thử nào sau đây để nhận biết 3 lọ trên dễ dàng nhất?

A. Hơi thở. B. Que đóm.

C. Que đóm đang cháy. D. Nước vôi trong.

1. . Đốt cháy X gam photpho trong bình chứa 6,72 lít khí 𝑂2 (đktc) để tạo ra 14,2 gam 𝑃2𝑂5. Giá trị của X là:

A. 6,1 gam B. 6,2 gam C. 6,3 gam D. 6,4 gam

1. Để có oxi tác dụng đủ với 7,2 gam cacbon thì khối lượng 𝐾𝐶𝑙𝑂3 cần nhiệt phân là:

 A. 49 gam B. 48 gam C. 47 gam D. 46 gam

1. Khí nào sau đây làm cho than hồng cháy sang?

 A. N2 B. CO2 C. CH4 D. O2

1. Điều kiện để phát sinh sự cháy là:

A. Đủ oxi cho sự cháy.

B. Tỏa ra nhiều nhiệt.

C. Chất cháy phải nóng và đủ oxi cho sự cháy.

D. Chất cháy phải nóng đến nhiệt độ cháy và đủ oxi cho sự cháy.

1. Cho phương trình hóa học: 2𝑍𝑛+𝑂2⟶2𝑍𝑛𝑂. Theo phương trình trên, muốn thu được 10,125 gam ZnO cần phải dùng bao nhiêu gam Zn?

 A. 8,125 gam. B. 8,521 gam.

C. 7,125 gam. D. 7,521 gam.

1. Dãy chất nào sau đây chỉ gồm các oxit?

A. CaO, NaOH, CO2, Na2SO4.

B. Fe2O3, O3, CaCO3, CO2.

C. CO2, SO2, Na2SO4, Fe2O3.

D. CaO, CO2, Fe2O3, SO2.

1. Để đốt cháy hoàn toàn 3,36 lít 𝐶𝐻4 (đktc) thì thể tích không khí cần dùng là:

 A. 33,6 lít B. 2,24 lít C. 6,72 lít D. 5,6 lít

1. Để oxi hóa hoàn toàn một kim loại R (hóa trị II) ta phải dùng một lượng oxi bằng 25% lượng kim loại đó. Tên kim loại đã dùng là:

 A. Fe B. Pb C. Ba D. Cu.

A. 3,2 gam B. 3,4 gam C. 3,6 gam D. 3,8 gam

1. Cách nào sau đây là đúng dùng để chữa đám cháy của xăng hoặc dầu?

A. Xịt nước vào đám cháy.

B. Vãi cát và trùm mền (chăn).

C. Xịt khí cacbonic, vãi cát và trùm chăn ướt.

D. Cho mạt cưa vào đám cháy.

1. Trong phòng thí nghiệm cần điều chế 4,48 lít 02 (đktc). Dùng chất nào sau đây đế khối lượng là nhỏ nhất?

A. 𝐾𝐶𝑙𝑂3 B. 𝐾𝑀𝑛𝑂4 C. 𝐾𝑁𝑂3 D. 𝐻2𝑂

1. Dãy các chất nào sau đây đều gồm các chất là oxit axit?

A. SO3, P2O5, Fe2O3, CO2. B. SO3, P2O5, SiO2, Fe2O3.

C. SO3, P2O5, SiO2, CO2. D.SO3, P2O5, CuO, CO2.

1. Dãy oxit nào sau đây không thuộc loại oxit axit?

A. SO2, NO2, SO3. B. N2O5, CO2, P2O5.

C. SiO2, Mn2O7, SO3. D. CO, N2O, NO.

1. Đốt sắt trong khí 𝑂2 ta thu được oxit sắt từ 𝐹𝑒3𝑂4. Muốn điều chế 23,2 gam 𝐹𝑒3𝑂4 thì khối lượng Fe cần dùng là:

A. 12,8 gam B. 13,8 gam C. 14,8 gam D. 16,8 gam

1. Nhiệt phân hoàn toàn 12,25 gam 𝐾𝐶𝑙𝑂3. Thể tích khí 𝑂2 (dktc) thu được là:

A. 1,12 lít B. 2,24 lít C. 3,36 lít D. 4,48 lít

1. Cho 2,16 gam một kim loại R hoá trị (III) tác dụng hết với lượng khí oxi dư, thu được 4,08 gam một oxit có dạng R2O3. Tên của kim loại R là:

A. Sắt (Fe). B. Nhôm (Al).

C. Asen (As). D. Crom (Cr).

1. Cho oxit của kim loại R hóa trị IV, trong đó R chiếm 46,7% theo khối lượng. Công thức của oxit đó là:

 A. MnO2 B. SiO2 C. PbO2 D. Fe3O4

1. Muốn điều chế được 2,8 lít (đktc) khí 𝑂2 thì khối lượng 𝐾𝑀𝑛𝑂4 cần nhiệt phân là:

 A. 39,5 gam B. 40,5 gam C. 41,5 gam D. 42,2 gam

1. Cho phương trình: ...Fe+...O2→Fe3O4 .Hệ số nào sau đây điền vào chỗ trống theo thứ tự để phương trình trên là đúng?

 A. 3, 2 B. 3, 4 C. 2, 3 D. 4, 3

1. Thành phần thể tích của không khí là:

A. 21% khí nitơ, 78% khí oxi, 1% các khí khác (CO2, CO, khí hiếm,...)

B. 21% các khí khác, 78% khí nitơ, 1% khí oxi.

C. 21% khí oxi, 78% khí nitơ, 1% các khí khác (CO2, CO, khí hiếm...).

D. 21% khí oxi, 78% các khí khác, 1% khí nitơ.

1. Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp khí gồm 3,36 lít CO và 𝐻2 trong khí 𝑂2, thấy tạo ra 2,24 lít hơi 𝐻2𝑂. Các thể tích khí đều đo ở đktc. Phần trăm về thể tích của khí co trong hỗn hợp là:

A. 33,33% B. 34,33% C. 35,33% D. 36,33%

1. Khi cho kim loại tác dụng hoàn toàn với oxi, ta thu được

A. Oxit axit B. Oxit bazơ

C. Đơn chất kim loại D. Muối

1. Khi đốt 0,3 mol cacbon trong bình chứa 0,2 mol khí oxi. Khối lượng khí cacbonic thu được là bao nhiêu (trong các giá trị sau)?

A. 4,4 gam. B. 13,2 gam. C. 8,8 gam. D. 5,7 gam.

1. Để oxi hóa hoàn toàn một kim loại M hóa trị II thành oxit phải dùng một lượng oxi bằng 40% lượng kim loại đã dùng. Kim loại M là kim loại nào cho dưới đây?

 A. Zn B. Mg C. Ca D. Ba

1. Hãy cho biết 3,01.1024 phân tử oxi có khối lượng bao nhiêu gam:

A. 120g B. 140g C.160g D.150g

1. Khi đốt lưu huỳnh ngoài không khí, sau đó đưa vào bình đựng khí oxi. Lưu huỳnh cháysáng hơn là do:

A. Trong bình có nhiệt độ cao hơn

B. Lượng oxi trong bình nhiều hơn ngoài không khí

C. Lượng oxi trong bình ít hơn ngoài không khí

D. Trong bình chỉ có khí oxi, không có khí nitơ như ngoài không khí

1. Cho các oxit: CO2, N2O, Fe2O3, MgO. Oxit có phần trăm khối lượng O nhỏ nhất là:

A. N2O B. Fe2O3 C. CO2 D. MgO

1. Một mol XO2 có khối lượng bằng hai lần khối lượng mol oxi. Nguyên tố X là:

A. S (lưu huỳnh) B. C (cacbon)

C. N (nitơ) D. Si (silic)

1. Cho 6,5 gam kim loại M tác dụng hết với oxi, thu được 8,1 gam MO. Vậy M là kimloại nào sau đây?

A. Cu (đồng) B. Mg (magie) C. Zn (kẽm) D. Fe (Sắt)

1. Biết oxi chiếm 1/5 thể tích không khí. Thể tích không khí ở đktc cần để đốt cháy hoàntoàn 3,2 gam S là:

A. 11,2 lít B. 22,4 lít C. 8,96 lít D. 13,44 lít

1. Thể tích không khí ở đktc cần để đốt cháy hết 2,4 gam C là bao nhiêu? Biết oxi chiếm1/5 thể tích không khí.

A. 8,96 lít B. 13,44 lít C. 11,2 lít D. 22,4 lít

1. Trong các oxit đã cho: Na2O; CaO; K2O; FeO. Chất nào có hàm lượng oxi thấp nhất về thành phần % khối lượng?

A. FeO B. K2O C. Na2O D. CaO

1. Khối lượng kali pecmanganat (KMnO4) cần thiết để điều chế oxi đủ để đốt cháy hoàntoàn 1,2 gam C là:

A. 31,6 gam B. 36,1 gam C. 31,2 gam D. 32,1 gam

1. Đốt cháy 24,8 gam photpho trong bình chứa 34 gam khí oxi, tạo thành điphotphopentaoxit. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thì chất còn dư và khối lượng dư là:

A. Photpho, dư 16,8 gam B. Khí oxi, dư 2gam

C. Khí oxi, dư 8,4 gam D. Photpho, dư 4 gam

1. Đốt cháy 6,2 g phốt pho trong bình chứa 6,72 lít (đktc) khí oxi. Khối lượng chất P2O5tạo ra là:

A. 15,2 g B. 17,2 g C. 14,2 g D. 16,2 g

1. Đốt sắt trong khí O2ta thu được oxit sắt từ Fe3O4. Muốn điều chế 23,2g Fe3O4 thìkhối lượng Fe cần có là:

A. 13,8g B. 16,8g C. 14,8g D. 12,8g

1. Cho các oxit sau CuO, Al2O3, K2O, SO3. Tỉ lệ % Oxi trong oxit nào lớn nhất ?

A. Al2O3 B. K2O C. CuO D. SO3

1. Đốt cháy 6,2 g photpho trong bình chứa 6,72 lít khí oxi (đktc) tạo thành điphotphopentaoxit.Chất nào còn dư, chất nào thiếu?

A. Photpho còn dư, oxi thiếu

B. Photpho còn thiếu, oxi dư

 C. Cả hai chất vừa đủ

 D. Tất cả đều sai

1. Đốt cháy 12 gam cacbon (C) trong bình kín chứa 11,2 lít khí oxi ở đktc. Chất còn dưsau phản ứng là cacbon (C), có khối lượng m gam. Giá trị m là:

A. 6,0 gam B. 5,0 gam C. 0,6 gam D. 0,5 gam